TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 564/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1168/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 420/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 458/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/06/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị A, sinh năm: 1970

Địa chỉ: đường X, phường Y, quận Z, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước B, sinh năm: 1968

Địa chỉ: đường X, phường Y, quận Z, Tp. Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa, bà A có mặt, ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

❖ Tại Đơn khởi kiện ngày 26/10/2022, bản tự khai và tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Lý Thị A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phước B quen biết nhau rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ: đường X, phường Y, quận Z, Tp. Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vã nguyên

nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Tuy thường xuyên có người phụ nữ khác bên ngoài do đó cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà A thường xuyên khuyên ông B thay đổi nhưng ông B không thay đổi do đó bà A yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 04 con chung tên: Nguyễn Thị Lý U, sinh ngày: 26/10/1992; Nguyễn Thị Lý N, sinh ngày: 09/9/1996; Nguyễn Phước H, sinh ngày: 13/5/2002 và Nguyễn Lý Yến N, sinh năm: 02/10/2008. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Yến N, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Phước B trình bày ý kiến như sau: Về quá trình kết hôn và chung sống thì ông thống nhất với bà A. Về quan hệ hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc, ông vẫn làm tròn trách nhiệm với gia đình, yêu thương vợ con. Bà A xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương vợ và có trách nhiệm với con cái.

Về con chung: Có 04 con chung tên: Nguyễn Thị Lý U, sinh ngày: 26/10/1992; Nguyễn Thị Lý N, sinh ngày: 09/9/1996; Nguyễn Phước H, sinh ngày: 13/5/2002 và Nguyễn Lý Yến N, sinh năm: 02/10/2008. Nếu ly hôn thì ông Tuy đồng ý giao trẻ Yến N cho bà A nuôi dưỡng, cấp dưỡng thì hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn bà Lý Thị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Bị đơn ông Nguyễn Phước B vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

+ Về hình thức: Thẩm phán thực hiện chưa đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn gửi hồ sơ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát quận Tân Phú đúng theo quy định khoản 2 điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự khác từ khi thụ lý đến khi xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng - Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A với ông B.

- Về quan hệ con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 11/92, quyển số 03 ngày 18/01/1992 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Long An, thì quan hệ giữa bà bà Lý Thị A và ông Nguyễn Phước B là quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận. Căn cứ Đơn khởi kiện, đây là "Tranh chấp ly hôn", là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Do bị đơn ông Nguyễn Phước B cư trú tại phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị đơn – ông Nguyễn Phước B đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Phước B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phước B

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, Đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn; Bản tự khai và lời trình bày của bà Lý Thị A và ông Nguyễn Phước B: Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Lý Thị A và ông Nguyễn Phước B thực tế đã có mâu thuẫn về tính cách, lối sống. Tại các phiên hòa giải, ông Nguyễn Phước A cũng không có mặt để hòa giải, điều này thể hiện ông B cũng không có ý muốn hàn gắn gia đình. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lý Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Phước B.

[2.2] Về con chung:

Bà A và ông B xác nhận bà và ông Tuy có 04 (bốn) con chung Nguyễn Thị Lý U, sinh ngày: 26/10/1992; Nguyễn Thị Lý N, sinh ngày: 09/9/1996; Nguyễn Phước H, sinh ngày: 13/5/2002 và Nguyễn Lý Yến N, sinh năm: 02/10/2008. Đối với các cháu Nguyễn Thị Lý U, sinh ngày: 26/10/1992; Nguyễn Thị Lý N, sinh ngày: 09/9/1996; Nguyễn Phước H, sinh ngày: 13/5/2002 đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Lý Thị A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Lý Yến N, sinh ngày 02/10/2008.

Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà A hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Lý Yến N sinh ngày 02/10/2008 và tại bản tự khai của ông Nguyễn Phước B cũng thể hiện ý kiến nếu ly hôn thì ông B đồng ý giao con chung là Nguyễn Lý Yến Ncho bà A nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Lý Thị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung

Nguyễn Lý Yến N, sinh ngày 02/10/2008 là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.6] Về nợ chung: Bà A và ông B khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm do bà Lý Thị A phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;
- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị A

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Phước B

Quan hệ hôn nhân của bà Lý Thị A và ông Nguyễn Phước B, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/92, quyển số 03 ngày 18/01/1992 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Long An không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Lý Thị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lý Yến N, sinh ngày 02/10/2008.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Phước B do bà Lý Thị A không yêu cầu.

[5] Về quyền và nghĩa vụ đối với con chung:

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.
- Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.
- Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Bà A và ông B khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Lý Thị A phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0036689 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lý Thị A đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

Tô Thị Ngọc Phượng